

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



TRẦN THỊ HẢI

**ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC MỐI QUAN HỆ XÃ HỘI
ĐẾN HÀNH VI BÁN DÂM Ở GÁI MẠI DÂM**

CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC
MÃ SỐ: 60.31.80

LUẬN VĂN THẠC SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. LÊ THỊ HÀ

HÀ NỘI - 2009

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Mại dâm là một vấn đề xã hội phức tạp, khó giải quyết không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các Quốc Gia trong khu vực và trên thế giới. Các nghiên cứu ở một số n- ớc trong khu vực từ năm 1993 đến 1994 cho thấy có khoảng 140.000 đến 230.000 ng- ời hành nghề mại dâm ở In-đô-nê-xi-a; khoảng 43.000 đến 142.000 ng- ời ở Ma-lai-xi-a; khoảng 400.000 đến 500.000 ng- ời ở Phi-lip- pin; và từ 150.000 đến 200.000 tại một thời điểm hoặc từ 200.000 đến 300.000 trong giai đoạn một năm ở Thái Lan (và thêm 100.000 phụ nữ Thái hành nghề mại dâm ở các n- ớc khác) [19]. Ở Việt Nam, tệ nạn mại dâm có xu h- ớng chỉ giảm bề nổi, nh- ng lại chuyển sang hoạt động trá hình d- ới nhiều hình thức tinh vi, nhiều thành phần tham gia hơn, đặc biệt có sử dụng các ph- ơng tiện thông tin hiện đại để điều hành mại dâm liên kết với các loại tội phạm khác để hoạt động. Tình trạng mại dâm trẻ em, buôn bán phụ nữ và trẻ em ra n- ớc ngoài vì mục đích mại dâm vẫn ch- a giảm, hình thành nhiều đ- ờng dây hoạt động mại dâm xuyên quốc gia. Tính đến nay (2008), theo số liệu của Cục phòng chống tệ nạn xã hội số gái mại dâm - ớc tính khoảng 30.904 ng- ời, trong đó số có hồ sơ quản lý là 15.316 ng- ời. Con số này trên thực tế còn đang là ẩn số, hiện nay chúng ta mới nhìn thấy "bề nổi của tảng băng chìm" mà thôi.

Tệ nạn mại dâm gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Tệ nạn này làm xói mòn đạo đức, huỷ hoại truyền thống, gây mất trật tự an toàn xã hội, ảnh h- ớng tới phát triển và tăng tr- ờng kinh tế, phát triển giống nòi và nguồn lực lao động của đất n- ớc trong t- ơng lai. Tệ nạn mại dâm còn là sự tiềm ẩn của nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh xã hội khác cho nhiều ng- ời từ hoạt động tình dục không an toàn. Mặc dù Đảng và Nhà N- ớc đã có rất nhiều biện pháp, mô hình hỗ trợ đ- ợc đ- a ra nhằm giúp đỡ những ng- ời phụ nữ lâm lỡ nh- : dạy nghề, tạo điều kiện việc làm,... để họ tái hoà nhập cộng đồng nh- ng cho đến nay tệ nạn mại dâm vẫn còn nhiều bức xúc. Một trong những nguyên nhân là do nhiều phụ nữ mại dâm không dám

đ- ong đầu với những khó khăn sau khi bỏ nghề, bao gồm cả những khó khăn tâm lý khi phải đối diện với sự kì thị của xã hội. Có ng- ời sau khi ra khỏi Trung tâm đã không hoặc không dám trở về nhà, quê h- ong mà lại theo nhóm bạn xấu, theo thói quen cũ,... tiếp tục hoạt động mại dâm. Hiện t- ượng tái “hành nghề” này có khi lặp lại đến vài ba lần. Từ đây đặt ra câu hỏi liệu có phải chính các quan hệ với gia đình đã đẩy họ, hay các quan hệ với bạn bè xấu đã lôi kéo, hoặc bản thân họ không thể v- ợt qua đ- ợc những cám dỗ,... khiến một số chị em không thể trở lại với con đ- ồng hoàn l- ong, với cuộc sống bình th- ờng?

1.2. Đã có nhiều những nghiên cứu về tệ nạn mại dâm, nh- ng chủ yếu là trong các lĩnh vực xã hội học, đạo đức học,... Những nghiên cứu tâm lý học về tệ nạn này thì còn ít, đặc biệt là nghiên cứu sâu về các quan hệ xã hội nh- quan hệ với gia đình, bạn bè của gái mại dâm cho đến nay hầu nh- ch- a có.

Đây chính là những lí do khiến chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: “Ảnh h- ưởng của các quan hệ xã hội đến hành vi bán dâm ở gái mại dâm”. Đặc điểm của những quan hệ xã hội mà chủ yếu là mối quan hệ với gia đình, bạn bè của gái mại dâm là gì? Sự tham gia của các quan hệ này có ảnh h- ưởng nh- thế nào đến hành vi bán dâm của gái mại dâm. Quan hệ nào có thể lôi kéo họ đến, quay trở lại hoặc từ bỏ hành vi bán dâm? Liệu có phải chính những quan hệ với cha mẹ hoặc với bạn bè đã lôi kéo các cô gái vào hay còn một quan hệ nào khác khiến họ khó có thể từ bỏ con đ- ồng này?

2. Đối t_{ượng} và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối t_{ượng} nghiên cứu

Ảnh h- ưởng của quan hệ xã hội đến hành vi bán dâm của gái mại dâm.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

2.2.1. Nội dung nghiên cứu

Trong đề tài này chúng tôi tiến hành nghiên cứu hai nhóm quan hệ xã hội của gái mại dâm là:

- + Quan hệ với gia đình huyết thống: cha, mẹ, anh, chị,...
- + Quan hệ với bạn bè.

2.2.2. Địa bàn nghiên cứu

Đây là nhóm đối tượng đặc thù, khó tiếp cận nên chúng tôi chủ yếu điều tra trong một số Trung tâm chữa trị, giáo dục lao động xã hội ở Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh. Cụ thể là:

+ 157 gái mại dâm ở trung tâm chữa trị giáo dục lao động xã hội trong đó có 3 gái mại dâm bị nhiễm HIV/AIDS; 2 gái mại dâm có trình độ đại học.

+ 1 gái mại dâm hiện đã hoàn công ở Hà Nội.

+ Một gia đình gái mại dâm ở Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Xác định rõ sự ảnh hưởng của quan hệ gia đình và quan hệ bạn bè đến hành vi bán dâm của gái mại dâm.

Đưa ra những kiến nghị về giải pháp giúp gái mại dâm có những quan hệ xã hội tích cực, đồng đầu với những khó khăn tâm lý, tránh tái phạm.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.

3.2.1. Nghiên cứu lí luận: xác định những cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

3.2.2. Nghiên cứu thực tiễn

- Xác định rõ các quan hệ gia đình, bạn bè của gái mại dâm.
- Chỉ ra ảnh hưởng của các quan hệ xã hội này đến hành vi bán dâm.

3.2.3. Đưa ra những đề xuất và kiến nghị.

4. Giả thuyết khoa học

4.1. Mối quan hệ lỏng lẻo, thiếu sự yêu thương, chăm sóc giữa các quan hệ trong gia đình huyết thống đã là một trong những nhân tố thúc đẩy gái mại dâm đến hành vi bán dâm.

4.2. Các quan hệ với bạn bè xấu là một nhân tố quan trọng góp phần tạo lập và củng cố hành vi bán dâm khiến gái mại dâm khó từ bỏ được con đường mại dâm.

5. Các phương pháp nghiên cứu

- 5.1. Phương pháp nghiên cứu các tài liệu.
- 5.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.
- 5.3. Phương pháp phỏng vấn sâu.
- 5.4. Phương pháp nghiên cứu câu chuyện cuộc đời (life story).
- 5.5. Phương pháp thống kê toán học.

6. Những đóng góp mới của Luận văn

Luận văn đã hệ thống hoá một số lý luận về quan hệ, ảnh hưởng của các mối quan hệ, làm rõ các khái niệm mại dâm, hành vi, quan hệ xã hội...

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra được những ảnh hưởng của các mối quan hệ xã hội đến hành vi bán dâm ở gái mại dâm mà chủ yếu là các mối quan hệ với gia đình huyết thống (với cha, mẹ, anh,...) và các mối quan hệ bạn bè. Trên cơ sở đó đã đưa ra một số kiến nghị về giải pháp nhằm phòng ngừa và giúp đỡ gái mại dâm tái hòa nhập cộng đồng.

7. Cấu trúc của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, danh mục bảng biểu, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục, Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu.

Chương 2: Tổ chức nghiên cứu.

Chương 3: Kết quả nghiên cứu.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Các nghiên cứu về quan hệ xã hội

Vấn đề “quan hệ xã hội” đã có nhiều tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu, cụ thể là:

Karl Marx khi nói về con người đã khẳng định rằng: Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. “Marx đã vạch ra nền tảng mối quan hệ cá nhân, mối quan hệ giữa người với người - đó là quan hệ xã hội...” [16, tr.443]. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các quan hệ xã hội đối với nhân cách nói chung và với hành vi của con người nói riêng.

+ Phạm Minh Hạc cũng có quan điểm như K.Marx khi nói về con người. Theo ông: “trong cuộc sống, bằng hoạt động của bản thân, con người mới chịu tác động của các quan hệ xã hội và nhờ đó con người hội nhập vào các quan hệ đó, góp phần củng cố phát triển các quan hệ đó. Toàn bộ tồn tại khách quan xung quanh con người tác động vào con người thông qua các quan hệ xã hội hoặc dưới hình thức của các quan hệ xã hội mà tác động vào con người. Chính trong quá trình học tập, lao động,... đó con người thiết lập nên các quan hệ xã hội...” [8, tr.19]. “Cá nhân - một thành viên xã hội, kẻ mang tổng hòa các quan hệ xã hội, vừa chịu ảnh hưởng của chúng, vừa góp phần tạo ra chúng...” [8, tr.14].

+ Lã Thu Thủy cho rằng: con người không phải là những cá thể biệt lập mà luôn tồn tại trong các quan hệ ràng buộc tương tác với nhau [3, tr.349]. Theo tác giả: các quan hệ tương tác xã hội của mỗi cá nhân sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong sự trau dồi và phát triển cái tôi, giúp cá nhân nhìn nhận và điều chỉnh hành vi. [3, tr.340]. “...Còn nhỏ thì quan hệ với cha mẹ có ảnh hưởng lớn nhất. Khi lớn hơn một chút, quan hệ bạn bè trở thành quan trọng.

Và khi trở thành ng-ời lớn đi làm, có kinh tế độc lập thì cha mẹ không còn có ảnh h-ởng nhiều nh- tr-ớc mà lúc này là quan hệ với thủ tr-ởng hoặc vợ (chồng) có ảnh h-ởng lớn. Có sự thay đổi vai trò của ng-ời tác động đến hành vi của cá nhân theo từng lứa tuổi...” [3, tr.347]. Tác giả đã khẳng định “...con ng-ời xã hội là con ng-ời đ-ợc nhìn nhận d-ới góc độ: hành vi cá nhân và hệ thống xã hội...”.

Quan hệ xã hội có vai trò rất quan trọng đến sự hình thành và phát triển nhân cách con ng-ời, nên nó đã trở thành đối t-ợng của nhiều nhà nghiên cứu.

- Theo Ryan, Krall và Hodges: thì môi tr-ờng xã hội có ảnh h-ởng lớn nhất đến hành vi của cá nhân, nhân cách. Giữa chúng có mối quan hệ khăng khít và tác động qua lại lẫn nhau theo cả hai chiều h-ớng tốt và xấu [3, tr.342].

- Sulivian và W.Jame đưa ra thuật ngữ “những người có ảnh hưởng nhất” hoặc “những người quan trọng nhất” dùng để chỉ một người hoặc một nhóm ng-ời mà sự đánh giá của họ có ý nghĩa đặc biệt đối với mỗi cá nhân này. Những ng-ời này có thể là cha mẹ, bạn bè, thầy cô [3, tr.352].

- Barry. D. Smith và Harold. J. Vetter nói rằng: “...môi tr-ờng xã hội hoặc môi tr-ờng con ng-ời có thể ảnh h-ởng trực tiếp đến hành vi. T-ợng tác giữa ng-ời với ng-ời vừa là một phần quan trọng của sự học hỏi góp phần phát triển nhân cách vừa là tác nhân làm thay đổi cấu trúc và động lực của nhân cách...”. Và “...c- xử của một cá nhân tại một thời điểm nào đó hoặc trong khoảng thời gian dài, là chức năng của môi tr-ờng tâm lý (bao gồm những nhân tố nội tại và ngoại tại) chung nơi họ sống. Môi tr-ờng tâm lý có khả năng ảnh h-ởng đến cá nhân” [19, tr.37].

- L.Seve coi “nhân cách là hệ thống sinh động của những quan hệ xã hội giữa các phương thức hành vi”. Điều này cho thấy quan hệ xã hội có ảnh h-ởng rất lớn đến hành vi của con ng-ời, qua đó thể hiện nhân cách của mỗi con ng-ời [8; tr.48].

- Karen Horney(1937) cho rằng: “...nhân cách phát triển theo nghĩa quan hệ xã hội và phụ thuộc chủ yếu vào mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái...” [5, tr.481].

- Nhà tâm lý học Mỹ, Gordon Olport đã chứng minh đ- ợc rằng quan hệ giữa các thành viên trong nhóm có ảnh h- ưởng đến hành vi, tri giác và quan điểm của các thành viên [9, tr.59].

- B.Ph.Lomov khẳng định “...Hoạt động và giao tiếp của các cá nhân (các nhân cách) diễn ra trong hệ thống mối quan hệ xã hội ... toàn thể hệ thống mối quan hệ xã hội sẵn có cả là quan hệ nền tảng cũng nh- th- ợng tầng kiến trúc, quy định sự hình thành cộng đồng này hay cộng đồng khác và hành vi cá nhân - các thành viên trong xã hội, đồng thời tạo ra những nhu cầu, động cơ, hoài bão, định h- ớng giá trị, tình cảm, năng lực,... của họ [16, tr.444]. Lomov viết “để hiểu nền móng của các thuộc tính nhân cách khác nhau, cần phải xem xét đời sống cá nhân trong xã hội, sự vận động của nó trong hệ thống quan hệ xã hội. Mối quan hệ này thể hiện tr- ớc tiên ở chỗ các cộng đồng nào, do những nguyên nhân khách quan ra sao mà trong quá trình sống một cá nhân này hay một cá nhân khác tham dự vào... Việc tham gia của cá nhân vào các cộng đồng nhất định tạo nên nội dung, tính chất các hoạt động mà cá nhân cần thực hiện, phạm vi và các cách giao tiếp với ng- ời khác, nghĩa là các đặc điểm tồn tại xã hội, lối sống của cá nhân đó. Điều đó có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của cá nhân (ví dụ nh- trong một tập thể tốt) hoặc kìm hãm và làm nhân cách bị què quặt (ví dụ trong các băng đảng) [16, tr.446].

- Theo A.N.Lêônchiep thì: “nhân cách được tạo ra bởi những hoàn cảnh khách quan, nh- ng không phải bằng cách nào khác ngoài cách thông qua toàn bộ hoạt động của cá nhân thực hiện các quan hệ của nó với thế giới” [15, tr.256]. Nghĩa là mỗi cá nhân bằng chính các hoạt động của bản thân đã xây dựng cho mình các quan hệ với thế giới, để từ đó hình thành và phát triển nhân cách của mình.

- Còn V- gôtxki cho rằng chính các mối quan hệ xã hội mà các cá nhân tham gia vào đã tạo nên môi trường xã hội riêng phát triển nhân cách người đó. Môi trường xã hội riêng này không giống với môi trường xã hội chung nhờ sự khác biệt khi người này tham gia vào các mối quan hệ A,B trong khi người kia lại có các mối quan hệ C,D mặc dù họ học trong cùng một lớp, một nhóm,... Tính đặc thù của mối quan hệ ở từng lứa tuổi trong môi trường chung mà nó qui định môi trường riêng. Cá nhân tham gia vào mối quan hệ nào bằng hoạt động và giao lưu thì nó qui định môi trường phát triển riêng của từng người. [26, tr.325-331]

- Cũng trong những nghiên cứu về mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm, các nhà tâm lý học xã hội đã chỉ ra rằng: “nhóm có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hành vi của mỗi cá nhân là thành viên của nhóm, dù rằng đó là thành viên của nhóm đơn giản nhất” [14, tr.93]. “...Hành vi của cá nhân khi họ ở một mình có khi rất khác với hành vi của chính họ khi có mặt của những người khác...” [14, tr.97].

- Nhà nghiên cứu Tong Xin đã chứng minh được rằng: giáo dục gia đình mất cân đối và quan hệ gia đình lạnh nhạt có ảnh hưởng rất lớn tới tội phạm nữ. Tác giả đã chỉ ra rằng về mặt quan hệ gia đình, trong số nữ phạm nhân dưới 25 tuổi được nghiên cứu có 19,5% gia đình thờ ơ căi lộn; 14,4% số gia đình không hề quan tâm ý kiến của con cái khi có các quyết định quan trọng trong gia đình; có 21,6% gia đình trong đó quan hệ giữa cha mẹ và con cái không hoàn toàn mật thiết; và 9,6% chủ gia đình rất ít được con cái tín nhiệm. Có thể thấy sự yếu đi của các quan hệ mật thiết trong gia đình các nữ phạm nhân, và điều này sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới hành vi phạm tội của họ.

Đặc biệt, đồng sự, bạn bè, bạn học và láng giềng hay giao du với nữ tội phạm có ảnh hưởng rất quan trọng tới sự hình thành quan niệm giá trị của họ.

Trong nghiên cứu của mình, tác giả cũng cho thấy các nhóm tội phạm kiểu lỏng lẻo, kết hợp tạm thời, lúc hợp lúc tan có xu hướng giảm, mà kết nối

bằng các quan hệ thân thích, bạn bè, bạn học, gán bó mật thiết, tương đối cố định tăng dần lên [21, tr.240-243].

Nh- vậy, quan hệ xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi. Tương tác giữa người với người vừa là một phần quan trọng của sự học hỏi, góp phần phát triển nhân cách (theo nhiều chiều hướng: tích cực, tiêu cực) vừa là tác nhân làm thay đổi cấu trúc của nhân cách. Tác động của các quan hệ khác nhau đến cá nhân là không giống nhau. Có những quan hệ xã hội có ảnh hưởng rất lớn, lại có những quan hệ ảnh hưởng không nhiều đến cá nhân.

1.1.2. Các quan hệ xã hội của gái mại dâm.

Các quan hệ xã hội của gái mại dâm không chỉ phức tạp mà còn rất đặc biệt.

+ Li Yinhe qua điều tra của mình đã cho thấy: gái mại dâm trở thành nạn nhân của sự ngược đãi nhục thể và ngược đãi giới tính, người có hành vi bạo lực gồm cảnh sát, khách làng chơi, chủ chứa, và cả người lạ. Nh- vậy theo tác giả này thì rõ ràng gái mại dâm là "nạn nhân" trong các mối quan hệ xã hội của chính mình [21, tr.211].

+ Tác giả Tong Xin đã nói về mối quan hệ giữa gái mại dâm và các tổ chức xã hội đen như sau: xã hội đen coi gái điếm là cái cây hái ra tiền, đồng thời xã hội đó lại làm cái ô che cho họ, lúc thông thì dắt khách cho họ, khi xảy ra chuyện "không ngờ" thì xúm đến dùng vũ lực giải quyết vấn đề, có lúc còn tiến hành vòi vĩnh, hạch sách. Qua đây cũng cho thấy quan hệ giữa gái mại dâm và xã hội đen cũng không hề tốt. Mà ngược lại, đối với gái mại dâm lại còn phải chịu nhiều thiệt thòi: bị vòi vĩnh, đánh đập,... [21, tr.224].

+ Balazs Gabrielle khi nghiên cứu về các quan hệ của gái mại dâm đã cho rằng: Khách hàng là những người “cần những hoạt động tình dục bổ sung và giải trí. Và thế là họ tìm đến với gái mại dâm...” [21, tr.97]. Nh- vậy có thể thấy quan hệ giữa gái mại dâm (người bán dâm) với khách hàng (người mua dâm) chỉ là quan hệ trao đổi giữa người mua và người bán nhằm thỏa mãn nhu cầu của mỗi bên.

Mối quan hệ của gái mại dâm với bọn ma cô là khá đặc biệt: “Theo những hồ sơ đ- ọc xem xét thì hầu nh- một nửa tr- ờng hợp, ng- ời dất mối là bạn, ng- ời tình hay là chồng của gái mại dâm... Đặc biệt anh ta t- ơng đ- ơng với một ng- ời quản lý hay một ông bầu: anh ta dẫn ng- ời gái điếm đi và dất về, coi sóc sự an toàn, đôi lúc là vệ sĩ, mua quần áo cho cô ta, đăng những thông báo và lo đến ngân hàng...” [21, tr.99].

Quan hệ với bạn bè của gái mại dâm cũng rất khác: “Bạn bè, những ng- ời bạn đã dạy cho các cô rằng thể xác của họ là một cái vốn... Một nửa gái mại dâm trong lần hành nghề đầu tiên đều đi cùng với bạn gái của họ...” [21, tr.101].

+ Theo tài liệu của Cục phòng chống tệ nạn xã hội - Bộ lao động th- ơng binh và xã hội Việt Nam về "Cơ sở kinh tế - xã hội của tệ nạn mại dâm Đông Nam á" đã chỉ ra rằng:

Gái mại dâm và trẻ em mại dâm th- ờng phải chịu mối quan hệ bất bình đẳng. Họ khó tự chủ và không có khả năng điều đình, thoả thuận với cha mẹ, những thành viên khác trong gia đình, ng- ời chủ, dất mối,... Họ không biết n- ơng tựa vào đâu để bù đắp lại sự bất bình đẳng này.

Gái mại dâm còn có những mối quan hệ với các tài xế tắc-xi, xe ôm. Những ng- ời này là một cầu nối quan trọng giữa gái mại dâm và khách hàng. Họ quảng bá các dịch vụ mại dâm thông qua việc phân phát các thông tin cho khách về địa điểm, luật lệ, giá cả, các loại hình dịch vụ,... thậm chí họ còn làm nhiệm vụ đ- a đón và là trung gian thoả thuận của hai bên.

Những kẻ môi giới mại dâm hay các tú bà: những đối t- ợng này đ- ợc trả công hoặc thậm chí đôi khi tự trả công cho mình để làm nhiệm vụ dất gái mại dâm đến với khách hàng. Kẻ môi giới th- ờng dùng điện thoại di động để dẫn "gái" cho khách, thậm chí họ còn phân phát ảnh và một vài thông tin về "gái" cho các tài xế tắc-xi hoặc những kẻ trung gian khác. Họ quản lý các mối quan hệ của gái mại dâm với khách, đ- a ra giá cả và cách thức chia tiền. Còn

các tú bà thì quản lý nơi hành nghề và chỉ thị cho các tên môi giới. Đôi khi các tú bà lại là đàn ông, nên ng- ời ta còn gọi họ là chủ nhà chứa.

"Ng- ời mua" hay "khách hàng" không chỉ là dân địa ph- ơng thuộc mọi tầng lớp với nhiều nghề nghiệp mà quan trọng hơn còn là những du khách n- ớc ngoài, lực l- ợng quân đội và các thủy thủ n- ớc ngoài,... Qua cò môi, dất gái, các tú bà,... họ trở thành "đối tác" của gái mại dâm.

Còn có nhiều ng- ời khác mà thu nhập của họ phần lớn dựa vào hoạt động mại dâm nh- : ng- ời dọn phòng, những ng- ời giặt là trong các cơ sở mát- xa, nhân viên bảo vệ khách sạn,... Những ng- ời này đôi khi lại có những quan hệ rất mật thiết với gái mại dâm. Nhân viên trong các khách sạn, vũ tr- ờng, hộp đêm không phải phụ thuộc trực tiếp còn những kẻ cung cấp và duy trì các căn hộ "hành nghề" nh- ng- ời dọn dẹp, bảo vệ,... thì trực tiếp phụ thuộc vào những phụ nữ này để kiếm sống.

Ngoài ra cũng có các nhân viên y tế hoạt động ngoài giờ th- ờng xuyên thực hiện các việc: khám sức khỏe, nạo phá thai,... cho các gái mại dâm [20].

+ Theo tác giả Lê Thị Hà thì: đối với cộng đồng dân c- gái mại dâm có quan hệ xa lánh. Đối với cộng đồng gái mại dâm với nhau, mặc dù có những nghi kị, hoặc tranh chấp khách, nh- ng về cơ bản họ có quan hệ chặt chẽ, đoàn kết, hỗ trợ, giúp nhau trong lúc khó khăn.

Trong các mối quan hệ thì quan hệ với bạn bè và những ng- ời xung quanh của gái mại dâm giữ ở mức độ bình th- ờng chiếm tỉ lệ cao nhất kể cả tr- ớc kia, khi còn đang hành nghề và hiện nay: 81,5% và 69% (đối với bạn bè); 77,5% và 71% (đối với ng- ời xung quanh). Tuy nhiên, mức độ quan hệ hiện nay cũng không còn đ- ợc bình th- ờng so với tr- ớc kia. Đặc biệt, không có mối quan hệ phức tạp và thân thiết mà ngày càng có sự xa lánh. Mức độ xa lánh ngày càng tăng(17,5%) so với tr- ớc kia (9%). (Nghiên cứu trên tổng số 200 mẫu)

Quan hệ của gái mại dâm với chủ chứa không tốt đẹp, mà ngược lại phần lớn bọn họ căm ghét chủ chứa. Số người căm ghét ngày càng tăng, chiếm

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Ngọc Bích, Tâm lý học nhân cách, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2]. Pierre Daco, Những thành tựu lẫy lừng trong tâm lý học hiện đại, Nxb Thống kê 2004.
- [3]. Vũ Dũng (CB), Tâm lý học xã hội, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2000.
- [4]. Vũ Dũng (CB), Từ điển Tâm lý học, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2000.
- [5]. Robert S. Feldman, Những điều trọng yếu trong tâm lý học, Nxb Thống kê 2003.
- [6]. Lê Thị Hà, luận án tiến sĩ Tâm lý học: Đặc điểm nhân cách của gái mại dâm và định hướng giải pháp giáo dục 2003.
- [7]. Phạm Minh Hạc, Tuyển tập tâm lý học, Nxb Giáo dục 2002.
- [8]. Phạm Minh Hạc và Lê Đức Phúc (CB), Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách, Nxb Chính trị Quốc Gia 2004.
- [9]. Trần Hiệp (CB), Tâm lý học xã hội, những vấn đề lý luận, Nxb Khoa học xã hội 1996.
- [10]. Phạm Hồng Hải, Phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội đảm bảo phát triển con người bền vững, Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện nghiên cứu con người, 2005.
- [11]. Trần Thị Hải, Khóa luận: Sự tham gia của người cha vào mối quan hệ bạn bè của con, 2006.
- [12]. Ngô Công Hoàn, Tâm lý học gia đình, Trường đại học Sư phạm Hà Nội 1993
- [13]. Trần Thu Hương, Khóa luận: Bước đầu nghiên cứu ảnh hưởng của quan hệ xã hội đến rối nhiễu hành vi ở trẻ em, Hà Nội T6/1993.
- [14]. Phan Thị Mai Hương, Thanh niên nghiện ma túy: nhân cách và hoàn cảnh xã hội, Nxb Khoa học xã hội 2005.

- [15]. A.N.Lêônchiep, Hoạt động - ý thức - nhân cách, Nxb Giáo dục, 1989.
- [16]. B.Ph.Lomov, Những vấn đề lí luận và phương pháp luận Tâm lý học, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2000.
- [17]. Đặng Thanh Nga, luận án tiến sĩ Tâm lý học: Đặc điểm tâm lý của người ch- a thành niên có hành vi phạm tội 2007.
- [18]. Lê Đức Phúc, Tài liệu bản thảo.
- [19]. Barry D.Smith và Harold J.Vetter, Các học thuyết về nhân cách, Nxb Văn Hoá thông Tin 2005.
- [20]. Tài liệu nghiên cứu của Cục phòng chống tệ nạn xã hội - Bộ lao động th- ơng binh và xã hội Việt Nam.
- [21]. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia, Viện thông tin khoa học xã hội. Tệ nạn xã hội: căn nguyên, biểu hiện, phương thức khắc phục. Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội 1996.
- [22]. Nguyễn Quang Uẩn (CB), Tâm lý học đại c- ơng, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2002.
- [23]. Nguyễn Khắc Viện (CB), Tâm lý gia đình, Nxb Thế Giới, Hà Nội 1994.
- [24]. Nguyễn Khắc Viện, Nỗi khổ con em, Trung tâm nghiên cứu trẻ em, 1993.
- [25]. Nguyễn Khắc Viện, Từ điển Xã hội học, Nxb Thế giới - Trung tâm nghiên cứu trẻ em, Hà Nội, 1994.
- [26]. L.X.V- gôtxki, Tuyển tập Tâm Lý học, Dịch: Nguyễn Đức H- ồng, D- ơng Diệu Hoa, Phan Trọng Ngọc, Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao thành tựu Tâm Lý học - Đại học S- Phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 1997.
- [27]. John.W.Santrock, Tìm hiểu thế giới tâm lý của tuổi vị thành niên, Dịch: Trần Thị Lan H- ồng, Nxb Phụ Nữ 2004.